TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/2026/QĐST-HNGĐ	***Ninh Bình**, ngày 01 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 160/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C sinh ngày 20/12/1966; căn cước công dân số 0370660002xx cấp ngày 31/8/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ xóm 9 L, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Đ sinh ngày 20/7/1976; căn cước công dân số 0371760062xx cấp ngày 16/5/2023 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ xóm 7C, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hóa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn C và Bà Vũ Thị Đ

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Ông C và bà Đ có 03 con là cháu Trần Thị Mỹ L sinh ngày 13/6/1997, cháu Trần Linh C1 sinh ngày 08/8/1999 và cháu Trần Vũ Bảo M sinh ngày 04/9/2009. Ông C và bà Đ thỏa thuận đối với cháu L và cháu C1 đều đã đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống nên ông C và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu M giao cho bà Đ nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, bà Đ không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con là cháu M cho bà Đ và bà Đ cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu M.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản và công nợ: Ông C và bà Đ đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn C và Bà Vũ Thị Đ thỏa thuận, ông C chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3642 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; ông C được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã B.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực